

Số: 2785 /QĐ-UBND

Định Quán, ngày 05 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
09 tháng năm 2026 của xã Định Quán

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỊNH QUÁN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2026 của UBND thành phố Đồng Nai Về việc ban hành Quy định mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách các xã, phường (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm);

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Định Quán khoá I - kỳ họp lần thứ 6 về kế hoạch thu NSNN trên địa bàn và dự toán thu - chi ngân sách địa phương xã Định Quán năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Định Quán khoá I - kỳ họp lần thứ 6 về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công xã Định Quán năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 26/6/2026 của HĐND xã Định Quán khoá II - kỳ họp lần thứ 3 về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã định Quán (Đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 26/6/2026 của HĐND xã Định Quán khoá II - kỳ họp lần thứ 3 về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương xã Định Quán năm 2025 (Đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND xã Định Quán khoá II - kỳ họp lần thứ 4 về điều chỉnh kế hoạch thu NSNN năm 2026 và điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương xã Định Quán năm 2025 (Đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND xã Định Quán khóa II - kỳ họp lần thứ 4 về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã định Quán (Đợt 2);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 09 tháng năm 2026 của xã Định Quán (có các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Phòng Văn hoá - Xã hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của xã Định Quán.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng phòng KBNN khu vực XVII - Phòng giao dịch số 2; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Các Phó CT.UBND xã;
- Chánh, Phó chánh VP;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Thanh Trúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH QUÁN**

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 9 THÁNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của UBND xã Định Quán)



Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN		SO SÁNH TỶ LỆ (%)	
		CỘNG	ĐẦU NĂM	BỔ SUNG	QUÝ 3	9 THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM 2025
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	84.122.000	94.048.000	-9.926.000	28.043.446	92.190.378	110%	
I	Thu nội địa	84.122.000	94.048.000	-9.926.000	28.043.446	92.190.378	110%	
II	Thu từ dầu thô	0				0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0				0		
IV	Thu viện trợ	0				0		
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	621.960.144	452.198.000	169.762.144	165.135.482	533.852.781	86%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	53.654.000	56.816.000	-3.162.000	18.285.522	60.543.977	113%	
1	Thu NSDP hưởng 100%	16.468.000	19.476.000	-3.008.000	5.229.147	13.971.507	85%	
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	37.186.000	37.340.000	-154.000	13.056.375	46.572.470	125%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	508.353.826	395.382.000	112.971.826	145.599.844	412.925.870	81%	
1	Thu bổ sung cân đối	398.544.000	395.382.000	3.162.000	100.110.300	297.801.300	75%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	109.809.826		109.809.826	45.489.544	115.124.570	105%	
III	Thu kết dư	46.341.144		46.341.144	0	46.341.144	100%	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	10.958.293		10.958.293	0	10.958.293	100%	
V	Thu huy động nhân dân đóng góp	2.652.881		2.652.881	1.250.116	3.083.497	116%	
C	TỔNG CHI NSDP	621.960.144	452.198.000	169.762.144	176.424.405	382.931.178	62%	
I	Tổng chi cân đối NSDP	501.874.928	452.198.000	49.676.928	139.617.755	325.970.745	65%	
1	Chi đầu tư phát triển	83.245.914	62.288.000	20.957.914	30.542.746	40.069.516	48%	
2	Chi thường xuyên	395.404.442	372.140.000	23.264.442	103.646.794	280.473.014	71%	
3	Chi cải cách tiền lương	13.490.572	8.036.000	5.454.572	5.428.215	5.428.215	40%	
4	Dự phòng ngân sách	9.734.000	9.734.000	0	0	0	0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS thành phố cho NS xã	109.809.826		109.809.826	36.307.463	56.461.246	51%	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0						
IV	Chi huy động nhân dân đóng góp	10.275.390		10.275.390	499.187	499.187	5%	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH QUÁN



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 05 / 10 /2026 của UBND xã Định Quán)

ĐVT: 1.000 đồng

ST T	Nội dung	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN		SO SÁNH TỶ LỆ (%)	
		CỘNG	ĐẦU NĂM	BỔ SUNG	QUÝ 3	9 THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỶ NĂM 2025
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	84.122.000	94.048.000	-9.926.000	28.043.446	92.190.378	110%	
I	Thu nội địa	84.122.000	94.048.000	-9.926.000	28.043.446	92.190.378	110%	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý					0		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý				513.218	1.609.079		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					0		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	37.000.000	36.269.000	731.000	8.104.591	31.020.768	84%	
-	Thuế giá trị gia tăng	27.610.000	29.614.000	-2.004.000	6.253.283	20.406.000	74%	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	90.000	112.000	-22.000	17.904	82.041	91%	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.000.000	6.235.000	1.765.000	1.331.482	8.679.264	108%	
-	Thuế tài nguyên	1.300.000	308.000	992.000	501.922	1.853.463	143%	
5	Thuế thu nhập cá nhân	9.000.000	9.750.000	-750.000	3.588.764	8.955.358	100%	
6	Thuế bảo vệ môi trường	0				0		
7	Lệ phí trước bạ	12.100.000	12.100.000	0	2.846.813	8.218.005	68%	
8	Thu phí, lệ phí	1.500.000	3.706.000	-2.206.000	631.880	1.893.166	126%	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0				0		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	368.000	368.000	0	258.337	479.606	130%	
11	Tiền cho thuê đất	154.000	154.000	0	1.833	86.315	56%	
12	Tiền cho thuê mặt nước	0				0		
13	Tiền sử dụng đất	20.000.000	20.000.000	0	10.694.086	36.618.385	183%	
14	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0				0		
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0				0		
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0				0		
17	Thu khác ngân sách	4.000.000	11.701.000	-7.701.000	1.403.924	3.309.696	83%	
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	0				0		
II	Thu viện trợ					0		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	53.654.000	56.816.000	-3.162.000	18.237.831	60.543.977	113%	
1	Các khoản thu hưởng theo tỷ lệ	37.186.000	37.340.000	-154.000	13.008.684	46.572.470	125%	
2	Các khoản thu hưởng 100%	16.468.000	19.476.000	-3.008.000	5.229.147	13.971.507	85%	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH QUÁN



CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2785/QĐ-UBND ngày 05 / 10 /2026 của UBND xã Định Quán)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN		SO SÁNH TỶ LỆ (%)	
		CỘNG	ĐẦU NĂM	BỔ SUNG	QUÝ 3	9 THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM 2025
	Tổng chi NSDP	627.274.888	452.198.000	175.076.888	176.424.406	382.931.179	61%	
A	Các khoản chi trong cân đối	501.874.928	452.198.000	49.676.928	139.617.756	325.970.746	65%	
I	Chi đầu tư phát triển	83.245.914	62.288.000	20.957.914	30.542.747	40.069.517	48%	
1	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	46.710.382	27.633.000	19.077.382	22.863.323	26.136.735		
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	16.737.128	16.000.000	737.128	8.038.303	8.038.303		
3	Nguồn xổ số kiến thiết	19.636.245	18.655.000	981.245	-358.879	4.094.479		
4	- Nguồn thuế tài nguyên nước	162.159	0	162.159	0	0		
5	- Nguồn đầu tư phát triển khác	0	0	0	0	1.800.000		
II	Chi thường xuyên	395.404.442	372.140.000	23.264.442	103.646.794	280.473.014	71%	
	Trong đó:							
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	248.586.000	248.586.000	0	76.056.959	184.780.130	74%	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	8.107.000	8.107.000	0	1.347.662	1.776.584	22%	
III	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	13.490.572	8.036.000	5.454.572	5.428.215	5.428.215	40%	
IV	Chi dự phòng ngân sách	9.734.000	9.734.000		0	0	0%	
B	Chi từ nguồn huy động đóng góp	10.275.390	0	10.275.390	499.187	499.187	5%	
1	Chi đầu tư phát triển	8.803.004	0	8.803.004	499.187	499.187	6%	
-	Chi XHH giao thông nông thôn	8.803.004	0	8.803.004	499.187	499.187	6%	
2	Chi sự nghiệp kinh tế	1.472.386	0	1.472.386	0	0	0%	
-	Chi sự nghiệp kinh tế	1.472.386	0	1.472.386	0	0	0%	
C	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu NS thành phố cho NS xã	115.124.570	0	115.124.570	36.307.463	56.461.246	49%	
-	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án	38.269.000		38.269.000	16.153.680	16.153.680	42%	
-	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	76.855.570		76.855.570	20.153.783	40.307.566	52%	
-	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	0		0			0%	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH QUÁN



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN
SÁCH THÀNH PHỐ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2785 /QĐ-UBND ngày 05 / 10 /2026 của UBND xã Định Quán)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự phòng ngân sách xã			Dự phòng ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho địa phương (nếu có)		
		Dự toán HĐND xã quyết định	Luỹ kế đã sử dụng	Còn lại	Số NS thành phố bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại
	Tổng số	9.734.000	0	9.734.000	0	0	0
1	Chi đầu tư phát triển			0			0
2	Chi thường xuyên	9.734.000	0	9.734.000			0

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH QUÁN



KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN,
DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2785 /QĐ-UBND ngày 05 / 10 /2026 của UBND xã Định Quán)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
	Tổng số	0	0	0
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ	0	0	0
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính	0	0	0
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	0	0	0
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng	0	0	0
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội	0	0	0